

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM
THUỐC, MỸ PHẨM, THỰC PHẨM

Số: 236 /CV-TTKN
V/v báo giá hóa chất, vật tư tiêu hao

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 22 tháng 5 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, đơn vị cung cấp hàng hóa tại Việt Nam.

Hiện nay, Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Thái Bình có nhu cầu tiếp nhận báo giá một số hóa chất, vật tư tiêu hao để làm căn cứ xác định giá mua sắm phục vụ công tác kiểm nghiệm. Vì vậy, Trung tâm trân trọng mời các hãng sản xuất, đơn vị cung cấp hàng hóa có đủ năng lực, kinh nghiệm quan tâm và báo giá một số hóa chất, vật tư tiêu hao (theo phụ lục I đính kèm).

* Yêu cầu cụ thể về báo giá như sau:

- Báo giá theo mẫu tại Phụ lục II đính kèm.
- Giá trong báo giá là tiền Đồng Việt Nam (VNĐ), là giá đã bao gồm tất cả chi phí nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng (VAT), chi phí vận chuyển tới Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Thái Bình và các chi phí liên quan khác (nếu có);
- Báo giá phải ghi rõ thông số: Hãng sản xuất, xuất xứ, quy cách, đơn vị tính, số lượng, đơn giá, thành tiền của hàng hóa chào giá;
- Hiệu lực của báo giá tối thiểu 60 ngày kể từ ngày báo giá;
- Báo giá phải có dấu và chữ ký của người có thẩm quyền theo quy định;
- Các đơn vị quan tâm và báo giá về Trung tâm theo địa chỉ: Phòng Hành chính - Tổng hợp, Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Thái Bình (Địa chỉ: Số 113 đường Nguyễn Tông Quai, phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình).

Thời gian nhận báo giá: Trong giờ hành chính từ thời điểm phát hành văn bản đến trước 8h00 ngày 29/5/2025 (thứ 5).

Thông tin chi tiết liên hệ: Phòng Hành chính - Tổng hợp, Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Thái Bình, điện thoại: 02273.833.512 hoặc 0336750059.

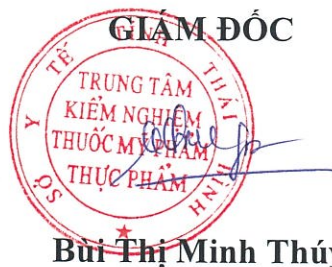
Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HCTH.



GIẤM ĐỐC
TRUNG TÂM
KIỂM NGHIỆM
THUỐC MỸ PHẨM
THỰC PHẨM
THÁI BÌNH



Bùi Thị Minh Thúy



PHỤ LỤC I

(Đính kèm Công văn số 236/CV- TTKN ngày 22/5/2025 của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Thái Bình)

1. Yêu cầu chung

+ Tất cả sản phẩm phải được đóng gói theo tiêu chuẩn và theo quy định của nhà sản xuất, nguyên tem nhãn, mác sản phẩm;

2. Yêu cầu cụ thể

Stt	Tên hóa chất, vật tư tiêu hao	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
1.	Nước Lal	- Nước cất pha tiêm không chứa nội độc tố - Endotoxin $\leq 0.005\text{EU/ml}$	500ml/Chai	ml	500
2.	Môi trường tăng sinh Salmonella Rappaport vasialidis	- Pepton đậu tương: 4.5g/l - Magnesi clorid hexahydrat: 29.0g/l - Natri clorid: 8.0g/l - Dikali phosphat: 0.4g/l - Kali dihydrophosphat: 0.6g/l - Xanh malachit: 0.036g/l - pH: 5.2 ± 0.2	500g/Hộp	g	500
3.	Acid phosphomolybdic	- Hóa chất tinh khiết - Tinh thể mịn, màu vàng cam. - Tan trong nước, ethanol và ether - Hàm lượng $\geq 98.0\%$	100g/Lọ	g	100
4.	Bismuth nitrat	- Hóa chất tinh khiết - Bột màu trắng - Hàm lượng: $\geq 97.0\%$	500g/Lọ	g	500
5.	Đỏ Carmin 40	- Tinh khiết phân tích - Bột màu đỏ	10g/Lọ	g	10
6.	Ninhydrin	- Tinh khiết phân tích - Bột tinh thể màu trắng đến vàng hoặc nâu nhạt - Điểm nóng chảy: Khoảng 250°C	5g/Lọ	g	05
7.	1 - naphtol	-Tinh khiết phân tích - Tinh thể không màu, có mùi phenol. - Dễ tan trong ethanol, clororm và ether, ít tan trong nước	100g/Lọ	g	100

Stt	Tên hóa chất, vật tư tiêu hao	Yêu cầu kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
8.	Cồn 96%	- Chất lỏng không màu - Hàm lượng: $\geq 96\%$ - Cặn không tan: $\leq 0.001\%$ - Độ axit: $\leq 0.05\text{mmol}/100\text{g}$ - Methanol: $\leq 0.05\%$ - Aceton: $\leq 0.0005\%$	1 Lít/chai	Lít	07
9.	Cloroform	- Chất lỏng - Hàm lượng: $\geq 99\%$ - Tỷ trọng ở 20°C : 1.471- 1.484 g/ml - Cặn sau bay hơi: $\leq 0.00005\%$ - Độ axit: $\leq 0.01\text{ mmol}/100\text{g}$ - Hàm lượng nước: $\leq 0.02\%$	500ml/Chai	ml	2000
10.	Dung dịch chuẩn Natri thiosulfat 0.1N ($\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_3$ 0,1N)	- Quy cách đóng gói: Dung dịch pha sẵn - Nồng độ: 0.1 mol/l (0.1N).	1Lít/chai	Chai	01
11.	Dung dịch chuẩn Natrihydroxyd 0.1N (NaOH 0,1N)	- Quy cách đóng gói: Dung dịch pha sẵn - Nồng độ: 0.1 mol/l (0.1N).	1Lít/chai	Chai	01
12.	Ống chuẩn Bạc nitrat 0.1N (AgNO_3 0.1N)	- Quy cách đóng gói: Ống - Nồng độ: 0.1 mol/l (0.1N).	Ống	Ống	02
13.	Bản mỏng Silicagel GF254	Độ dày lớp phủ: $\leq 30\text{ }\mu\text{m}$, kích thước 20 x 20cm	25 Tờ/hộp	Tờ	25



PHỤ LỤC II: MẪU BẢNG BÁO GIÁ

(Đính kèm Công văn số 286/ CV-TTKN ngày 22/5/2025 của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Thái Bình)

Kính gửi: Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Thái Bình

Địa chỉ: Số 113 đường Nguyễn Tông Quai, phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Ngày:....

Số báo giá:..

Điện thoại:.....

Người lập:.....

STT	Tên Hóa chất, vật tư tiêu hao	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	A							
2	B							
n	...							

1. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 60 ngày, kể từ ngày tháng năm 2025.

Giá trong báo giá là tiền Đồng Việt Nam (VNĐ), là giá đã bao gồm tất cả chi phí nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng (VAT), chi phí vận chuyển tới Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Thái Bình và các chi phí liên quan khác (nếu có);

2. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm 2025

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

